

Bảng Phân tích Nhu cầu Tài chính

I. Thông tin Khách hàng:

Họ và tên: NGUYỄN VĂN A Ngày sinh: 01/01/1969
Giới tính: Nam Nữ
Tình trạng hôn nhân: Độc thân Đã kết hôn Ly hôn Góa

II. Thông tin tài chính:

Bảng phân tích này nhằm mục đích nhận diện nhu cầu tài chính và nhu cầu bảo hiểm dựa trên khả năng tài chính của Quý khách, là cơ sở để Chubb Life cung cấp giải pháp tài chính phù hợp trong danh mục sản phẩm của Công ty.

Quý khách vui lòng trả lời các câu hỏi dưới đây dựa trên khả năng và nhu cầu tài chính của mình.

NHU CẦU TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Nhu cầu Khách hàng quan tâm	SỐ TIỀN CẦN CÓ (1)	SỐ TIỀN ĐÃ CÓ (2)	KHOẢN THIẾU HỤT (1)-(2)
Bảo vệ tài chính				
Rủi ro Tử vong, Tai nạn, thương tật	<input checked="" type="checkbox"/>	1.000		1.000
Bệnh nan y	<input checked="" type="checkbox"/>	500		500
Tiết kiệm/Tích lũy				
Kế hoạch học vấn cho con	<input type="checkbox"/>			0
Kế hoạch tuổi hưu an nhàn	<input type="checkbox"/>			0
Đầu tư				
Đầu tư an toàn với lãi suất đảm bảo	<input checked="" type="checkbox"/>	500		500
Đầu tư linh hoạt với lợi nhuận/rủi ro không đảm bảo	<input type="checkbox"/>			0
Nhu cầu khác	<input type="checkbox"/>			0
Tổng cộng		2.000	0	2.000

KHẢ NĂNG TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Triệu đồng

Thông tin thu nhập (1)		Thông tin chi phí (2)	
Thu nhập bình quân hàng tháng của gia đình	100	Chi phí bình quân hàng tháng của gia đình	40
Thu nhập bình quân hàng năm của gia đình	1.200	Chi phí bình quân hàng năm của gia đình	480
Khả năng tài chính = Thu nhập – Chi phí		720	

III. Xác nhận của khách hàng:

- Tôi hiểu rõ Bảng phân tích nhu cầu tài chính này chỉ nhằm mục đích giúp tôi nhận diện nhu cầu và mục tiêu tài chính. Thông tin này chỉ mang tính chất tham khảo và đây không phải là một văn bản mang tính kết luận. Bảng phân tích nhu cầu tài chính này được hoàn thành dựa trên các thông tin do tôi cung cấp.
- Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về quyết định của mình trong việc lựa chọn sản phẩm bảo hiểm/kế hoạch bảo hiểm tham gia và/hoặc việc thay đổi về các giải pháp bảo hiểm trong hồ sơ yêu cầu bảo hiểm nộp về Công ty, nếu có.

Ngày Tháng Năm	Chữ ký	Họ tên
Khách hàng		NGUYỄN VĂN A

Ngày Tháng Năm	Mã số	Họ tên
Đại diện Kinh doanh		

Tài liệu minh họa chương trình Bảo hiểm Nhân thọ

Kế hoạch Tài chính Trọn đời Quyền lợi Cao niên Toàn diện

Kế hoạch Tài chính Trọn đời Quyền lợi Cao niên Toàn diện là chương trình bảo hiểm thuộc nghiệp vụ bảo hiểm liên kết chung được thiết kế để Quý khách chủ động xác định nhu cầu bảo hiểm và kế hoạch đóng phí bảo hiểm.



80 tuổi

Tuổi tham gia
mở rộng đến 80



Hoàn 50% Phí rủi ro

khi Người được Bảo hiểm
đạt 90 tuổi



**Hoàn 50%
Phí Bảo hiểm Cơ bản**

Mỗi 5 năm



90 tuổi

Bảo vệ Bệnh Nan Y đến năm 90 tuổi
(Áp dụng cho Lựa chọn B)



CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ CHUBB VIỆT NAM (“Chubb Life”)

hoạt động kinh doanh Bảo hiểm Nhân thọ và Bảo hiểm Sức khỏe theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 33GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 04/05/2005 và các giấy phép điều chỉnh.

Vốn điều lệ hơn 1.384 tỷ đồng.



Trụ sở chính: Tầng 21, Tòa nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh.

Thông tin liên hệ

Điện thoại: (84-28) 3827 8989

Hotline: (84-28) 3827 8123

Fax: (84-28) 3821 9000

E-mail: chubblife.vietnam@chubb.com

Website: <https://life.chubb.com/vn>

Thông tin Đại diện kinh doanh (ĐDKD):

Họ và Tên:

Mã số ĐDKD:

Chứng chỉ Đại lý Bảo hiểm Cơ bản:

I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Tuổi	Nhóm nghề nghiệp
Bên mua Bảo hiểm (BMBH)	NGUYỄN VĂN A	NAM	01/01/1969	55	2
Người được Bảo hiểm (NDBH) 1	NGUYỄN VĂN A	NAM	01/01/1969	55	2

II. THÔNG TIN SẢN PHẨM BẢO HIỂM, QUYỀN LỢI BẢO HIỂM (QLBH) THAM GIA

Đơn vị tính: đồng

Sản phẩm Bảo hiểm	Điều kiện Bảo hiểm (*)	Mệnh giá Bảo hiểm (MGBH)	Tuổi NDBH khi đáo hạn	Phí Bảo hiểm (Phí BH) cơ bản
Kế hoạch Tài chính Trọn đời – Quyền lợi Cao niên Toàn diện Lựa chọn B	S/S	500.000.000	99	24.904.000

	<input checked="" type="checkbox"/> Năm	<input type="checkbox"/> Nửa năm	<input type="checkbox"/> Quý
Phí BH đóng theo kỳ (1)	24.904.000	12.452.000	6.226.000
Phí BH đóng thêm (dự kiến) (2)	-	-	-
Phí BH dự kiến đóng theo kỳ (3 = 1 + 2)	24.904.000	12.452.000	6.226.000
Thời gian đóng phí dự kiến của Phí Bảo hiểm cơ bản	20 năm		

Ghi chú:

(*) Điều kiện Bảo hiểm: S/S là điều kiện bảo hiểm chuẩn, còn lại là điều kiện tăng phí bảo hiểm.

❖ Thời hạn đóng Phí bảo hiểm: BMBH phải đóng đầy đủ và đúng hạn Phí Bảo hiểm cơ bản cho mỗi năm trong **04 Năm hợp đồng đầu tiên** và có thể đóng phí linh hoạt từ Năm thứ năm (05) trở đi cho đến khi kết thúc Thời gian đóng phí dự kiến hoặc **Thời hạn Hợp đồng Bảo hiểm**, nhưng phải đảm bảo Giá trị Tài khoản Hợp đồng (GTTKHD) đủ để thanh toán Phí rủi ro và Phí Quản lý hợp đồng hàng tháng để Hợp đồng Bảo hiểm (HDBH) duy trì hiệu lực.

❖ Khách hàng có nghĩa vụ kê khai trung thực, đầy đủ, chính xác các thông tin liên quan đến Bên mua Bảo hiểm và Người được Bảo hiểm.

❖ Quy tắc và Điều khoản, các biểu mẫu và tài liệu của sản phẩm bảo hiểm Kế hoạch Tài chính Trọn đời – Quyền lợi Cao niên Toàn diện được đăng tải tại website:

<https://www.chubb.com/vn-vn/personal/senior-universal-life-2018.html>

Quý khách vui lòng truy cập theo các đường dẫn nêu trên để tìm hiểu và tham khảo nội dung thông tin chi tiết. Trường hợp cần hỗ trợ và/hoặc giải đáp các thắc mắc, Quý khách vui lòng liên hệ với Chubb Life theo các thông tin nêu tại trang 4 của tài liệu minh họa này.

III. GIẢI THÍCH QUYỀN LỢI SẢN PHẨM BẢO HIỂM

A. Quyền lợi Bảo hiểm (QLBH)	Sự kiện Bảo hiểm	Số tiền Bảo hiểm (đồng)
QLBH Tử vong	Tử vong	Giá trị lớn nhất của: + 500.000.000 trừ đi Số tiền Bảo hiểm đã chi trả (nếu có); hoặc + Giá trị Tài khoản Hợp đồng; hoặc + Tổng số phí bảo hiểm đã đóng (sau khi trừ số tiền đã rút từ Giá trị Tài khoản Hợp đồng (nếu có))
QLBH Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn (TTTBVV)	Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn	Trước khi NĐBH đạt 75 Tuổi bảo hiểm, Giá trị lớn nhất của: + 500.000.000 trừ đi Số tiền Bảo hiểm đã chi trả (nếu có); hoặc + Giá trị Tài khoản Hợp đồng; hoặc + Tổng số phí bảo hiểm đã đóng (sau khi trừ số tiền đã rút từ Giá trị Tài khoản Hợp đồng (nếu có))
QLBH Bệnh Nan Y	Mắc Bệnh Nan Y	Trước khi NĐBH đạt 90 Tuổi bảo hiểm, Tỷ lệ phần trăm tương ứng MGBH
QLBH Hỗ trợ điều trị Bệnh Nan Y	Hỗ trợ điều trị Bệnh Nan Y	Bên cạnh QLBH Bệnh Nan Y , nhận thêm 10.000.000
B. Quyền lợi đầu tư	Thời điểm chi trả	Số tiền chi trả (đồng)
Quyền lợi Đầu tư ⁽¹⁾	Hàng tháng	BMBH được hưởng quyền lợi từ kết quả đầu tư của Quỹ Liên kết chung. Quyền lợi này sẽ được đưa vào Giá trị Tài khoản Hợp đồng dưới hình thức tính lãi hàng tháng theo mức Lãi suất công bố nhưng không thấp hơn mức Lãi suất đảm bảo tại thời điểm chi trả.
C. Quyền lợi khác	Thời điểm chi trả	Số tiền chi trả (đồng)
Quyền lợi Duy trì Hợp đồng ⁽²⁾	Ngày đáo niên của Năm hợp đồng thứ 05 và mỗi 05 Năm hợp đồng sau đó	50% Phí Bảo hiểm Cơ bản cộng vào Giá trị Tài khoản Hợp đồng
Quyền lợi Tuổi vàng ⁽³⁾	NĐBH đạt 90 Tuổi bảo hiểm	50% tổng Phí rủi ro đã khấu trừ cộng vào Giá trị Tài khoản Hợp đồng
Quyền lợi Đáo hạn	Ngày đáo hạn HĐBH	Giá trị Tài khoản Hợp đồng

Lưu ý:

- (1) Vui lòng tham khảo Chính sách đầu tư của Quỹ Liên kết chung của Chubb Life tại mục IV. THÔNG TIN VỀ QUỸ LIÊN KẾT CHUNG
- (2) Điều kiện chi trả Quyền lợi Duy trì Hợp đồng: Trong suốt mỗi thời hạn 05 Năm hợp đồng xem xét chi trả quyền lợi này, HĐBH phải đáp ứng đủ tất cả các điều kiện sau đây:
- Hợp đồng Bảo hiểm chưa từng bị mất hiệu lực;
 - Không có bất cứ giao dịch rút một phần từ Giá trị Tài khoản Hợp đồng; và
 - Phí Bảo hiểm cơ bản được đóng đầy đủ trong thời hạn 05 Năm hợp đồng đó.
- (3) Điều kiện để được chi trả Quyền lợi Tuổi vàng:
- NĐBH đạt 90 Tuổi bảo hiểm;
 - HĐBH đang còn hiệu lực.

Chi tiết về quyền lợi bảo hiểm và điều kiện chi trả của các quyền lợi bảo hiểm được quy định cụ thể trong Quy tắc và Điều khoản của Sản phẩm Bảo hiểm.

IV. THÔNG TIN VỀ QUỸ LIÊN KẾT CHUNG

1. Chính sách đầu tư của Quỹ Liên kết chung

Quỹ Liên kết chung là quỹ được hình thành từ nguồn phí bảo hiểm của các hợp đồng bảo hiểm liên kết chung. Quỹ Liên kết chung được tách riêng khỏi quỹ chủ sở hữu và các quỹ chủ hợp đồng khác của Chubb Life. Quỹ Liên kết chung được quản lý và đầu tư phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

Nhằm đảm bảo quyền lợi của Bên mua Bảo hiểm, Chubb Life cam kết thực hiện chính sách đầu tư thận trọng bằng việc tập trung đầu tư chủ yếu vào các kênh đầu tư có tính ổn định cao như: trái phiếu Chính phủ, tín phiếu kho bạc, trái phiếu kho bạc, công trái xây dựng tổ quốc, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh; tiền gửi ngân hàng dài hạn; chứng chỉ quỹ; cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp có bảo lãnh; và một số kênh đầu tư ổn định khác. Chính sách đầu tư, mục tiêu và cơ cấu đầu tư tài sản của Quỹ Liên kết chung được cập nhật thường xuyên trên Trang tin điện tử trên mạng Internet (website) của Chubb Life.

Nội dung chi tiết về chính sách đầu tư của Quỹ Liên kết chung của Chubb Life, Quý khách vui lòng tham khảo Điều 19 của Quy tắc và Điều khoản của Sản phẩm Kế hoạch Tài chính Trọn đời – Quyền lợi Cao niên Toàn diện.

2. Lãi suất công bố bình quân áp dụng cho Quỹ Liên kết chung của Chubb Life trong các năm qua:

Năm	Lãi suất công bố bình quân	Phí quản lý quỹ
2019	5,49%	2,00%
2020	5,16%	2,00%
2021	4,44%	1,69%
2022	4,20%	1,66%
2023	4,50%	1,73%

V. MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM

1. Trường hợp BMBH chỉ đóng Phí BH trong 4 Năm hợp đồng đầu tiên

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Phí bảo hiểm	Phí ban đầu	Phí BH được phân bổ	Phí rủi ro		Phí quản lý hợp đồng
		Phí BH cơ bản	Phí BH cơ bản		Lãi suất đảm bảo	Lãi suất giả định	
1	56	24.904	14.942	9.962	1.227	1.226	516
2	57	24.904	6.226	18.678	2.412	2.408	540
3	58	24.904	2.490	22.414	3.715	3.704	564
4	59	24.904	1.245	23.659	5.152	5.129	588
5	60	-	-	-	7.131	7.091	612
6	61	-	-	-	7.739	7.679	636
7	62	-	-	-	8.489	8.407	660
8	63	-	-	-	9.414	9.307	684
9	64	-	-	-	10.495	10.358	708
10	65	-	-	-	11.803	11.634	720
11	66	-	-	-	*	13.139	720
12	67	-	-	-	-	*	*

Lưu ý:

1. Minh họa về phân bổ Phí BH cho trường hợp BMBH chỉ đóng phí BH trong 4 Năm hợp đồng đầu tiên, chỉ bao gồm Phí BH cơ bản, không bao gồm Phí BH đóng thêm.
2. (*) HĐBH mất hiệu lực khi GTTK nhỏ hơn 0.

2. Trường hợp BMBH đóng đầy đủ Phí BH trong thời gian đóng phí dự kiến

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Phí bảo hiểm		Phí ban đầu		Phí BH được phân bổ	Phí rủi ro		Phí quản lý hợp đồng
		Phí BH cơ bản	Phí BH đóng thêm	Phí BH cơ bản	Phí BH đóng thêm		Lãi suất đảm bảo	Lãi suất giả định	
1	56	24.904	-	14.942	-	9.962	1.227	1.226	516
2	57	24.904	-	6.226	-	18.678	2.412	2.408	540
3	58	24.904	-	2.490	-	22.414	3.715	3.704	564
4	59	24.904	-	1.245	-	23.659	5.152	5.129	588
5	60	24.904	-	747	-	24.157	6.775	6.732	612
6	61	24.904	-	747	-	24.157	6.757	6.686	636
7	62	24.904	-	747	-	24.157	6.957	6.842	660
8	63	24.904	-	747	-	24.157	7.192	7.017	684
9	64	24.904	-	747	-	24.157	7.419	7.161	708
10	65	24.904	-	747	-	24.157	7.676	7.309	720
11	66	24.904	-	747	-	24.157	7.627	7.086	720
12	67	24.904	-	747	-	24.157	7.948	7.137	720
13	68	24.904	-	747	-	24.157	8.229	7.062	720
14	69	24.904	-	747	-	24.157	8.454	6.825	720
15	70	24.904	-	747	-	24.157	8.593	6.368	720
16	71	24.904	-	747	-	24.157	8.137	5.102	720
17	72	24.904	-	747	-	24.157	7.934	3.812	720
18	73	24.904	-	747	-	24.157	7.613	2.443	720
19	74	24.904	-	747	-	24.157	7.126	2.634	720
20	75	24.904	-	747	-	24.157	6.394	2.826	720
21	76	-	-	-	-	-	6.051	3.030	720
22	77	-	-	-	-	-	6.586	3.252	720
23	78	-	-	-	-	-	7.210	3.486	720
24	79	-	-	-	-	-	7.945	3.738	720
25	80	-	-	-	-	-	8.834	4.020	720
26	81	-	-	-	-	-	9.860	4.272	720
27	82	-	-	-	-	-	11.161	4.572	720
28	83	-	-	-	-	-	12.837	4.938	720
29	84	-	-	-	-	-	14.982	5.352	720

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Phí bảo hiểm		Phí ban đầu		Phí BH được phân bổ	Phí rủi ro		Phí quản lý hợp đồng
		Phí BH cơ bản	Phí BH đóng thêm	Phí BH cơ bản	Phí BH đóng thêm		Lãi suất đảm bảo	Lãi suất giả định	
30	85	-	-	-	-	-	17.758	5.820	720
31	86	-	-	-	-	-	21.374	6.330	720
32	87	-	-	-	-	-	27.651	6.888	720
33	88	-	-	-	-	-	36.400	7.488	720
34	89	-	-	-	-	-	47.086	8.142	720
35	90	-	-	-	-	-	62.022	8.856	720
36	91	-	-	-	-	-	13.124	-	720
37	92	-	-	-	-	-	16.271	-	720
38	93	-	-	-	-	-	20.907	-	720
39	94	-	-	-	-	-	27.977	-	720
40	95	-	-	-	-	-	39.456	-	720
41	96	-	-	-	-	-	59.763	-	720
42	97	-	-	-	-	-	100.536	-	720
43	98	-	-	-	-	-	198.540	-	720
44	99	-	-	-	-	-	*	-	720

Lưu ý: (*) HĐBH mất hiệu lực khi GTTK nhỏ hơn 0.

VI. MINH HỌA VỀ QUYỀN LỢI SẢN PHẨM VỚI CÁC MỨC LÃI SUẤT

1. Trường hợp BMBH chỉ đóng Phí BH trong 4 Năm hợp đồng đầu tiên

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HD	Tuổi NĐBH	QUYỀN LỢI ĐẢM BẢO				QUYỀN LỢI KHÔNG ĐẢM BẢO			
		LÃI SUẤT ĐẢM BẢO				LÃI SUẤT GIẢ ĐỊNH			
		QLBH Từ vong/ TTTBVV	Quyền lợi khác	Giá trị Tài khoản Hợp đồng	Giá trị hoàn lại	QLBH Từ vong/ TTTBVV	Quyền lợi khác	Giá trị Tài khoản Hợp đồng	Giá trị hoàn lại
1	56	100.000	-	8.490	-	100.000	-	8.626	-
2	57	200.000	-	24.984	80	200.000	-	25.514	610
3	58	300.000	-	44.472	19.568	300.000	-	45.714	20.810
4	59	400.000	-	64.348	45.670	400.000	-	66.648	47.970
5	60	500.000	-	58.410	45.958	500.000	-	61.759	49.307
6	61	500.000	-	51.653	45.427	500.000	-	56.023	49.797
7	62	500.000	-	43.907	43.907	500.000	-	49.258	49.258
8	63	500.000	-	34.967	34.967	500.000	-	41.249	41.249
9	64	500.000	-	24.633	24.633	500.000	-	31.773	31.773
10	65	500.000	-	12.648	12.648	500.000	-	20.551	20.551
11	66	HĐBH mất hiệu lực khi GTTKHD nhỏ hơn 0				500.000	-	7.283	7.283
12	67	HĐBH mất hiệu lực khi GTTKHD nhỏ hơn 0							

TÓM TẮT CÁC QUYỀN LỢI:

Tổng số năm đóng phí:	04 năm	Tổng số phí đóng:	99.616.000 đồng
Số tiền nhận khi đáo hạn (Lãi suất giả định):	0 đồng	Tổng số tiền mặt rút (dự kiến):	0 đồng
Số tiền nhận khi đáo hạn (Lãi suất đảm bảo):	0 đồng		

Lưu ý: Minh họa về quyền lợi sản phẩm bảo hiểm cho trường hợp BMBH chỉ đóng phí BH trong 4 Năm hợp đồng đầu tiên, chỉ bao gồm Phí BH cơ bản, không bao gồm Phí BH đóng thêm.

2. Trường hợp BMBH đóng đầy đủ Phí BH trong thời gian đóng phí dự kiến

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HD	Tuổi NĐBH	QUYỀN LỢI ĐẢM BẢO				QUYỀN LỢI KHÔNG ĐẢM BẢO				Rút tiền
		LÃI SUẤT ĐẢM BẢO				LÃI SUẤT GIẢ ĐỊNH				
		QLBH Từ vong/TTTBVV	Quyền lợi khác	Giá trị Tài khoản Hợp đồng	Giá trị hoàn lại	QLBH Từ vong/TTTBVV	Quyền lợi khác	Giá trị Tài khoản Hợp đồng	Giá trị hoàn lại	
1	56	100.000	-	8.490	-	100.000	-	8.626	-	-
2	57	200.000	-	24.984	80	200.000	-	25.514	610	-
3	58	300.000	-	44.472	19.568	300.000	-	45.714	20.810	-
4	59	400.000	-	64.348	45.670	400.000	-	66.648	47.970	-
5	60	500.000	12.452	96.106	83.654	500.000	12.452	99.822	87.370	-
6	61	500.000	-	116.359	110.133	500.000	-	122.060	115.834	-
7	62	500.000	-	136.991	136.991	500.000	-	145.114	145.114	-
8	63	500.000	-	157.993	157.993	500.000	-	169.023	169.023	-
9	64	500.000	-	179.357	179.357	500.000	-	193.813	193.813	-
10	65	500.000	12.452	213.540	213.540	500.000	12.452	232.008	232.008	-
11	66	500.000	-	234.014	234.014	500.000	-	259.698	259.698	-
12	67	500.000	-	254.587	254.587	500.000	-	288.616	288.616	-
13	68	500.000	-	275.273	275.273	500.000	-	318.877	318.877	-
14	69	500.000	-	296.147	296.147	500.000	-	350.742	350.742	-
15	70	500.000	12.452	329.749	329.749	500.000	12.452	396.961	396.961	-
16	71	500.000	-	350.300	350.300	500.000	-	434.157	434.157	-
17	72	500.000	-	371.350	371.350	500.000	-	474.295	474.295	-
18	73	500.000	-	393.040	393.040	517.643	-	517.643	517.643	-
19	74	500.000	-	415.545	415.545	562.746	-	562.746	562.746	-
20	75	500.000	12.452	451.596	451.596	622.207	12.452	622.207	622.207	-
21	76	500.000	-	451.545	451.545	627.760	-	627.760	627.760	-
22	77	500.000	-	450.953	450.953	633.173	-	633.173	633.173	-
23	78	500.000	-	449.723	449.723	638.430	-	638.430	638.430	-
24	79	500.000	-	447.753	447.753	643.539	-	643.539	643.539	-
25	80	500.000	-	444.839	444.839	648.414	-	648.414	648.414	-
26	81	500.000	-	440.847	440.847	653.108	-	653.108	653.108	-
27	82	500.000	-	435.483	435.483	657.569	-	657.569	657.569	-
28	83	500.000	-	428.367	428.367	661.756	-	661.756	661.756	-

Năm HD	Tuổi NDBH	QUYỀN LỢI ĐẢM BẢO				QUYỀN LỢI KHÔNG ĐẢM BẢO				Rút tiền
		LÃI SUẤT ĐẢM BẢO				LÃI SUẤT GIẢ ĐỊNH				
		QLBH Từ vong/TTTBVV	Quyền lợi khác	Giá trị Tài khoản Hợp đồng	Giá trị hoàn lại	QLBH Từ vong/TTTBVV	Quyền lợi khác	Giá trị Tài khoản Hợp đồng	Giá trị hoàn lại	
29	84	500.000	-	418.965	418.965	665.562	-	665.562	665.562	-
30	85	500.000	-	406.624	406.624	668.952	-	668.952	668.952	-
31	86	500.000	-	390.454	390.454	671.880	-	671.880	671.880	-
32	87	500.000	-	367.731	367.731	674.316	-	674.316	674.316	-
33	88	500.000	-	335.835	335.835	676.156	-	676.156	676.156	-
34	89	500.000	-	292.692	292.692	677.365	-	677.365	677.365	-
35	90	500.000	215.546	449.396	449.396	770.718	92.846	770.718	770.718	-
36	91	500.000	-	442.202	442.202	781.585	-	781.585	781.585	-
37	92	500.000	-	431.710	431.710	792.583	-	792.583	792.583	-
38	93	500.000	-	416.389	416.389	803.746	-	803.746	803.746	-
39	94	500.000	-	393.714	393.714	815.076	-	815.076	815.076	-
40	95	500.000	-	359.149	359.149	826.610	-	826.610	826.610	-
41	96	500.000	-	303.590	303.590	838.284	-	838.284	838.284	-
42	97	500.000	-	206.120	206.120	850.132	-	850.132	850.132	-
43	98	500.000	-	8.468	8.468	862.158	-	862.158	862.158	-
44	99	HDBH mất hiệu lực khi GTTKHD nhỏ hơn 0				874.400	-	874.400	874.400	-

TÓM TẮT CÁC QUYỀN LỢI:

Tổng số năm đóng phí:	20 năm		
Số tiền nhận khi đáo hạn (Lãi suất giả định):	874.400.400 đồng	Tổng số phí đóng (dự kiến):	498.080.000 đồng
Số tiền nhận khi đáo hạn (Lãi suất đảm bảo):	0 đồng	Tổng số tiền mặt rút (dự kiến):	0 đồng

Ghi chú:

• Các giá trị nêu trong Bảng minh họa được tính toán trên cơ sở cuối Năm hợp đồng với điều kiện Phí bảo hiểm được đóng đủ vào đầu Năm hợp đồng. Các giá trị này có thể thay đổi theo định kỳ đóng phí và tùy thuộc kết quả đầu tư của Quỹ Liên kết chung. Các lãi suất giả định trên chỉ mang tính chất minh họa.

• **Lãi suất đảm bảo:** là mức lãi suất tối thiểu mà Chubb Life cam kết áp dụng cho GTTKHD, bất kể kết quả hoạt động đầu tư từ Quỹ Liên kết chung.

Năm hợp đồng	Từ năm 1 đến năm 10	Từ năm 11 đến năm 15	Từ năm 16 trở đi
Lãi suất tối thiểu/năm	3,0%	2,0%	1,5%

• **Lãi suất giả định được minh họa như sau:**

o Trong 20 Năm hợp đồng đầu tiên: lãi suất giả định được minh họa là 4,5%/năm.

o Từ Năm hợp đồng thứ 21: theo quy định của Bộ Tài chính thì lãi suất giả định được minh họa bằng mức lãi suất đảm bảo là 1,5%/năm.

• Tại Năm HD mà NDBH đạt 90 tuổi, giá trị minh họa của Quyền lợi khác bao gồm Quyền lợi Duy trì Hợp đồng (nếu có) và Quyền lợi Tuổi vàng.

VII. GIẢI THÍCH CÁC LOẠI PHÍ KHẤU TRỪ VÀ THUẬT NGỮ LIÊN QUAN

Phí ban đầu

Là khoản phí được khấu trừ từ số tiền thực đóng tại thời điểm BMBH đóng phí và được xác định theo tỷ lệ:

Năm hợp đồng	1	2	3	4	5+
% của Phí BH cơ bản	60%	25%	10%	5%	3%
% của Phí BH đóng thêm	3%	3%	3%	3%	3%

Phí Bảo hiểm được phân bổ

Là khoản phí được phân bổ từ số tiền thực đóng sau khi trừ đi Phí ban đầu. Phí Bảo hiểm được phân bổ được nhập vào Quỹ Liên kết chung để đầu tư.

Khoản Khấu trừ hàng tháng

Là khoản tiền được khấu trừ hàng tháng từ GTTKHĐ (bao gồm Phí rủi ro và Phí Quản lý hợp đồng). Trong đó: **Phí rủi ro là khoản phí được tính toán dựa trên cơ sở rủi ro của NĐBH khi tham gia (các) QL BH. Phí Quản lý hợp đồng là khoản phí để thực hiện các công việc cần thiết cho việc duy trì hiệu lực HĐBH và cung cấp thông tin liên quan đến HĐBH. Phí Quản lý hợp đồng là 42.000 đồng/tháng trong năm 2024 và được tự động điều chỉnh vào ngày 01/01 hàng năm với mức tăng là 2.000 đồng/tháng so với mức cố định của năm liền trước. Việc điều chỉnh tăng này sẽ chấm dứt khi Phí Quản lý hợp đồng là 60.000 đồng/tháng.**

Phí Quản lý quỹ

Là khoản phí dùng để trang trải cho các hoạt động đầu tư và quản lý Quỹ Liên kết chung. Phí Quản lý quỹ tối đa là 2%/năm và có thể thay đổi nếu được Bộ Tài chính chấp thuận.

Phí chấm dứt hợp đồng

Là khoản phí được áp dụng khi BMBH yêu cầu chấm dứt HĐBH trước thời hạn. Phí này được tính theo tỷ lệ phần trăm của Phí BH cơ bản của Năm hợp đồng đầu tiên như sau:

Năm hợp đồng	1 - 3	4	5	6	7+
% của Phí BH cơ bản	100%	75%	50%	25%	0%

Phí rút một phần GTTKHĐ

Là khoản phí được áp dụng khi BMBH rút một phần GTTKHĐ và được xác định bằng tỷ lệ Phí chấm dứt hợp đồng nêu trên tương ứng với tỷ lệ của khoản tiền rút ra so với Giá trị Tài khoản Hợp đồng tại thời điểm rút.

Giá trị Hoàn lại

Là số tiền mà BMBH sẽ nhận khi yêu cầu chấm dứt HĐBH. Giá trị Hoàn lại được xác định bằng GTTKHĐ trừ đi Phí chấm dứt hợp đồng.

VIII. TÓM TẮT CÁC TRƯỜNG HỢP LOẠI TRỪ BẢO HIỂM

❖ Đối với Quyền lợi Bảo hiểm Tử vong

- Tự tử trong vòng 24 tháng từ Ngày hiệu lực Hợp đồng Bảo hiểm hoặc Ngày khôi phục hiệu lực Hợp đồng Bảo hiểm gần nhất (nếu có);
- Nhiễm HIV, bị AIDS, hoặc những bệnh liên quan đến HIV/AIDS;
- Sử dụng trái phép ma túy hoặc các chất gây nghiện khác;
- Do hành vi cố ý vi phạm pháp luật của Người được Bảo hiểm, Bên mua Bảo hiểm hoặc Người thụ hưởng.

Quý khách vui lòng xem nội dung chi tiết tại Điều 15.3 Bản Quy tắc và Điều khoản sản phẩm Kế hoạch Tài chính Trọn đời – Quyền lợi Cao niên Toàn diện.

❖ Đối với Quyền lợi bảo hiểm Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn

- Tự tử hoặc mưu toan tự tử hoặc cố tình tự gây thương tích;
- Do hành vi cố ý vi phạm pháp luật của Người được Bảo hiểm, Bên mua Bảo hiểm hoặc Người thụ hưởng;
- Tình trạng tồn tại trước.

Quý khách vui lòng xem nội dung chi tiết tại Điều 15.2 Bản Quy tắc và Điều khoản sản phẩm bảo hiểm Kế hoạch Tài chính Trọn đời – Quyền lợi Cao niên Toàn diện.

❖ Đối với Quyền lợi bảo hiểm Bệnh Nan Y và Quyền lợi bảo hiểm Hỗ trợ điều trị Bệnh Nan Y

- Các bệnh lý bẩm sinh;
- Tình trạng tồn tại trước;
- Các trường hợp loại trừ bảo hiểm quy định tại danh sách các Bệnh Nan Y được bảo hiểm;
- Do hành vi cố ý vi phạm pháp luật của Người được Bảo hiểm, Bên mua Bảo hiểm hoặc Người thụ hưởng;
- Các trường hợp khác như được quy định chi tiết tại Điều 15.1 Bản Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm Kế hoạch Tài chính Trọn đời – Quyền lợi Cao niên Toàn diện.

XÁC NHẬN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM:

- ✓ Tôi/Chúng tôi đã được Đại diện Kinh doanh (ĐDKD) có tên dưới đây phân tích nhu cầu và khả năng tài chính và tư vấn đầy đủ về Quy tắc & Điều khoản, quyền lợi bảo hiểm, các trường hợp loại trừ bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm Kế hoạch Tài chính Trọn đời – Quyền lợi Cao niên Toàn diện trong tài liệu minh họa này.
- ✓ Tôi/Chúng tôi hiểu rõ tính chất sản phẩm bảo hiểm Kế hoạch Tài chính Trọn đời – Quyền lợi Cao niên Toàn diện cũng như đã được giải thích về cơ cấu tính phí bảo hiểm mà Chubb Life áp dụng cho Hợp đồng Bảo hiểm.
- ✓ Tôi/Chúng tôi đã hiểu toàn bộ nội dung tài liệu minh họa này kể cả các lưu ý, hiểu rõ về Quyền lợi bảo hiểm, Quyền lợi đầu tư, các quyền lợi khác và các trường hợp loại trừ bảo hiểm khi tham gia Hợp đồng Bảo hiểm.
- ✓ Tôi/Chúng tôi hiểu rằng việc tham gia sản phẩm bảo hiểm Kế hoạch Tài chính Trọn đời – Quyền lợi Cao niên Toàn diện là một cam kết dài hạn và việc hủy bỏ hợp đồng là không có lợi vì các khoản phí Tôi/Chúng tôi phải trả rất cao trong thời gian đầu.
- ✓ Tôi/Chúng tôi hiểu rằng Hợp đồng Bảo hiểm sẽ mất hiệu lực khi Phí Bảo hiểm cơ bản không được đóng đầy đủ vào ngày đến hạn đóng phí trong 04 Năm hợp đồng đầu tiên, hoặc khi Giá trị Tài khoản Hợp đồng nhỏ hơn hoặc bằng "0" đồng.
- ✓ Tôi/Chúng tôi đồng ý rằng các quyền lợi được minh họa tại Tài liệu minh họa này chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy thuộc vào các yếu tố đầu tư.

Bên mua Bảo hiểm

(Vui lòng ghi họ tên bằng chữ thường)

Chữ ký

Ngày/tháng/năm

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN KINH DOANH:

Tôi cam đoan và xác nhận đã giải thích trung thực, đầy đủ và đã tư vấn cho BMBH có tên nêu trên về chi tiết của Tài liệu minh họa này và các nội dung của Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm bảo hiểm.

ĐDKD tư vấn

Mã số ĐDKD

Chữ ký

Ngày/tháng/năm